

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HS-ST
Ngày: 29 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần S, sinh năm 1989 tại S. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh S; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần P (không rõ năm sinh, đã chết) và bà Sơn Thị P (không rõ năm sinh, đã chết); Anh, chị, em ruột: Không có; Vợ: Kim Thị Bích C (Chưa đăng ký kết hôn); Con ruột: Lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 14/10/2020 đến ngày 23/10/2020 tạm giam đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại: Phan Đặng Gia T; Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Số x, xã M, huyện C, tỉnh T (Vắng mặt – Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Hoàng Kiều A; Sinh năm: 1996; Nơi cư trú: Khóm Wa, phường V, thị xã V, tỉnh S (Vắng mặt).

* Người làm chứng: Châu Ngọc Đ; Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh S (Có mặt).

* Người phiên dịch: Ông Lý Th; nơi công tác: Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh S (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo là người từng sử dụng ma túy nhiều lần. Ngày 12/10/2020, bị cáo đến Công an thị trấn L để xin đi cai nghiện ma túy. Nhưng do bị cáo là người có hộ khẩu thường trú ở ấp Đ, xã , huyện T, tỉnh S nên Công an thị trấn L hướng dẫn bị cáo liên hệ với Công an xã L. Bị cáo mới đón xe ôm về Công an xã L. Khi đến Công an xã L thì đã hơn 11 giờ, trụ sở Công an xã L đóng cửa. Bị cáo mới đi qua bên hông trụ sở Công an xã L định ngồi đợi đến giờ Công an làm việc. Trong lúc ngồi đợi, bị cáo nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu biển kiểm soát 84L1 – 463.03 YAMAHA, số loại EXCITE của ông Phan Đăng Gia T đậu gần gốc cây trong trụ sở Công an không có ai quản lý nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm. Quan sát xung quanh không thấy ai, bị cáo liền dẫn chiếc xe đi ra tỉnh lộ 934 hướng về thành phố S. Bị cáo dẫn bộ khoảng 500 m đến gần cầu L thì ghé vào tiệm sửa máy của ông Châu Ngọc Đ kêu phá ổ khóa nhưng ông Đ trả lời là tiệm của ông không có sửa xe nên bị cáo dẫn xe đi bộ rẽ phải vào con lộ đal về hướng ấp B. Bị cáo ghé vào tiệm sửa xe của ông Trần Hữu T kêu sửa khóa nhưng ông T nói là không có đồ sửa. Bị cáo mới dẫn xe đi ngược trở lại và ra đường tỉnh lộ 934. Khi bị cáo dắt xe đi tới nghĩa trang xã L thì có một người đàn ông đang chạy xe trên đường nói xe mất chìa khóa, bứt dây điện, đạp máy là chạy được. Bị cáo làm theo và xe nổ máy. Bị cáo điều khiển xe qua cầu T hơn 01 km thì xe hết xăng. Bị cáo dùng cây cạy yên xe ra để đổ xăng rồi tiếp tục điều khiển xe đi về hướng thành phố S. Ngày 12/10/2020 và ngày 13/10/2020, bị cáo chạy xe vòng vòng S. Buổi tối thì ngủ ở quán cà phê vông. Đến sáng ngày 14/10/2020, bị cáo điều khiển xe về V. Khi đến cây xăng số 6 thuộc khóm W, phường V, thị xã V, bị cáo ghé vào đổ xăng 30.000 đồng. Nhưng do bị cáo không có tiền nên bị cáo để chứng minh nhân dân cho nhân viên cây xăng là bà Hoàng Kiều A giữ. Bị cáo chạy về đến nhà kho bỏ hoang thuộc khóm 4, phường 1, thị xã V khoảng 10 giờ thì bị lực lượng Công an huyện T bắt giữ.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 84L1- 463.03, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITE, màu sơn đen, đã qua sử dụng; 01 (một) cái sơ mi dài tay màu xanh đen sọc trắng và 01 (một) cái quần Jean màu đen loại quần dài (Đây là quần áo của bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/HĐĐGTS ngày 20/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 84L1- 463.03, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITE, màu sơn đen, đã qua sử dụng đến thời điểm định giá tài sản có giá là 37.800.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 55/CT-VKSĐT ngày 27/11/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đã truy tố Trần S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần S phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần S từ 01(một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Đăng Gia T đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không xem xét, giải quyết. Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã được xử lý xong nên không xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Nhất trí với lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho mình. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của ông Phan Đăng Gia T và bà Hoàng Kiều A. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và xét sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự để tiến hành xét xử vụ án.

[3] Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của bị hại và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người khỏe mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, lười lao động mà cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân nói chung, của bị hại T nói riêng, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn.

Xét về nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo là người từng sử dụng ma túy. Vào khoảng hơn 11 giờ ngày 12/10/2020, bị cáo định đến Công an xã L xin đi cai nghiện. Nhưng do hết giờ làm việc, trụ sở cơ quan Công an xã L đóng cửa nên bị cáo dự định ngồi chờ

đến giờ cơ quan làm việc. Trong lúc ngồi chờ, bị cáo thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu biển kiểm soát 84L1 – 463.03 YAMAHA, số loại EXCITE của ông Phan Đăng Gia T đậu gần gốc cây trong trụ sở Công an không có ai quản lý nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm. Do không có chìa khóa xe nên bị cáo dẫn bộ tìm chỗ để phá và sửa ổ khóa xe nhưng cả hai tiệm bị cáo ghé, một tiệm thì sửa máy, còn một tiệm thì không có đồ nghề để làm. Bị cáo tiếp tục dẫn bộ thì được một người đàn ông chạy xe trên đường chỉ cho bị cáo bứt dây điện và xe chạy được. Bị cáo điều khiển xe chạy về thành phố S. Bị hại Phan Đăng Gia T (là Công an xã L) mãi lo làm việc cũng chưa hay mình bị mất xe. Đến khoảng 15 giờ ngày 12/10/2020, ông T mới phát hiện bị mất xe nên viết đơn trình báo cho Cơ quan Công an xã L. Qua trích xuất hình ảnh từ camera đã phát hiện Trần S dẫn chiếc xe của ông T. Công an huyện T tiến hành theo dõi và đến khoảng 10 giờ ngày 14/10/2020, bị cáo Trần S chạy xe về đến nhà kho bỏ hoang thuộc khóm 4, phường 1, thị xã V thì bị lực lượng Công an huyện T bắt giữ.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trước khi phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tài sản mà bị cáo trộm cũng đã được thu hồi trả cho bị hại; Bị cáo là người dân tộc Khmer, trình độ học vấn thấp (02/12). Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Tại tòa hôm nay, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản trích hình ảnh từ camera, bản ảnh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối chiếu hành vi phạm tội của bị cáo Trần S thực hiện vừa nêu trên với các quy định của Bộ luật hình sự thì bị cáo Trần S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Chiếc xe mô tô kiểm soát 84L1 – 463.03 YAMAHA, số loại EXCITE, màu đen, số khung 0610JY654183, số máy G3D4E681116: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Đặng Thị T (Mẹ ruột của Phan Đăng Gia T. Bà T đã ủy quyền cho Phan Đăng Gia T toàn quyền quyết định) nên đã giao trả cho ông Phan Đăng Gia T vào ngày 27/10/2020 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét (Bút lục 117).

- 01 (một) cái sơ mi dài tay màu xanh đen sọc trắng và 01 (một) cái quần Jean màu đen loại quần dài. Đây là quần áo của bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra cũng đã giao trả cho bị cáo xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét (Bút lục 118).

[7] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: bị cáo Trần S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phan Đăng Gia T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

- Chiếc xe mô tô kiểm soát 84L1 – 463.03 YAMAHA, số loại EXCITE, màu đen, số khung 0610JY654183, số máy G3D4E681116: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Đặng Thị T (Mẹ ruột của Phan Đăng Gia T. Bà T đã ủy quyền cho Phan Đăng Gia T toàn quyền quyết định) nên đã giao trả cho ông Phan Đăng Gia T vào ngày 27/10/2020 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét (Bút lục 117).

- 01 (một) cái sơ mi dài tay màu xanh đen sọc trắng và 01 (một) cái quần Jean màu đen loại quần dài. Đây là quần áo của bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra cũng đã giao trả cho bị cáo xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét (Bút lục 118).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- TANDT tỉnh S (P.KTNV&THA);
- VKSND tỉnh S;
- Sở tư pháp tỉnh S;
- VKSND huyện T;
- CAND huyện T (CQCSĐT; Bộ phận HSNVCS; CQTHAHS; Nhà tạm giữ);
- THADS huyện T;
- Lưu (HSVA; TA).

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Ngọc Trân